

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/DS-PT  
Ngày: 10-01-2023  
“V/v tranh chấp hội, hợp đồng vay  
tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

**Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Văn Cảnh  
Ông Trần Trọng Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 509/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022, về “tranh chấp hội, tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 509/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Ngọc O, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Số 190/2, ấp Phú Tây B, xã Thanh Phú L, huyện Châu T, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** Bà Võ Thụy Kim T, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Số 703/8, ấp Thanh Tân, xã Thanh Phú L, huyện Châu T, tỉnh Long An.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Quý P, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 703/8, ấp Thanh Tân, xã Thanh Phú L, huyện Châu T, tỉnh Long An.

**Người đại diện theo ủy quyền của ông P:** Ông Bùi Duy T1, sinh năm 1978 và ông Lê Văn Phiến, sinh năm 1975 (vắng mặt - có văn bản yêu cầu giải quyết

vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 62, Ngô Quyền, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Quý P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Ngọc O là nguyên đơn trình bày:* Từ năm 2020 bà T là chủ hội, bà là hội viên, bà có tham gia các dây hội như sau:

Dây hội 1: Ngày 28/9/2020, hội một tháng khai một lần, hội 5.000.000 đồng, gồm có 18 phần hội, có 18 hội viên, hội hoa hồng là 1.800.000 đồng, bà tham gia 01 phần, hội bắt đầu khai vào ngày 28/9/2020. Bà O đóng hội sống được 17 kỳ hội sống là 60.200.000 đồng.

Dây hội 2: Ngày 20/4/2022, hội một tháng khai một lần, hội 5.000.000 đồng, gồm có 15 phần hội, có 15 hội viên, hội hoa hồng là 1.500.000 đồng, bà tham gia 01 phần, hội bắt đầu khai vào ngày 20/4/2022. Bà đóng hội sống được 01 kỳ hội sống là 3.500.000 đồng.

Ngày 06/5/2022, bà T có vay của bà số tiền là 50.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi suất 7%/ngày, thời hạn vay 10 ngày, bà T có ký tên trong giấy vay vốn. Đến nay hợp đồng vay đã đến hạn thanh toán nhưng bà T không trả vốn vay theo thỏa thuận cho bà, mặc dù bà đã đòi nợ nhiều lần.

Nay bà yêu cầu bà T, ông P phải liên đới trả cho bà vốn vay và vốn hội là 113.700.000 đồng, không tính lãi, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, bà O trình bày: Sau khi bà T bỏ đi thì bà có gặp ông P thì chính ông P nói đợi bà T về để xử lý. Việc đóng hội ông P biết, ông P có thu tiền đóng hội của bà khoảng 04- 05 kỳ hội. Bà yêu cầu bà T, ông P phải liên đới trả cho bà vốn vay và vốn hội là 113.700.000 đồng.

*Bị đơn bà Võ Thụy Kim T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:* Qua lời trình bày của bà O về các dây hội, số tiền vốn hội, số hội viên, hội hoa hồng, cũng như phần hội, đã đóng hội sống và phần vốn vay của bà O là đúng. Bà còn nợ lại bà O 113.700.000 đồng, số nợ này chỉ có bà và bà O biết, ông P không biết gì trong vụ án này. Bà đề nghị Tòa án xử lý số nợ trên theo quy định của pháp luật.

Bà và ông P là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2009 và sống tại số nhà 703/8, ấp Thanh Tân, xã Thanh Phú L, huyện Châu T, tỉnh Long An từ năm 2011 cho đến nay. Bà đồng ý trả số tiền trên cho bà O trong thời gian 03 tháng tính từ ngày 26/9/2022. Đối với số tiền vốn vay của bà O là để bà dùng vào việc choàng hội cho các hội viên khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý P do ông Bùi Duy T1*

*trình bày*: Theo ông P trình bày, ông P không biết việc bà T chơi hụi, việc chơi hụi của bà T không nhằm mục đích phục vụ sinh hoạt chung trong gia đình, không tạo ra bất cứ tài sản nào trong thời gian bà T chơi hụi. Khi bế hụi mọi người tìm đến nhà đòi nợ thì ông P mới biết nên tự bà T chịu trách nhiệm, ông P không đồng ý liên đới cùng với bà T trả tiền cho bà O. Thời gian điều kiện kết hôn giữa ông P, bà T là đúng, ông P làm nghề tự do, tài sản chung của ông P, bà T là do gia đình bên chồng bà T tặng cho, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của bà O về trách nhiệm liên đới giữa ông P, bà T.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 96/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu T đã áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, 463, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 hướng dẫn về hụi, họ, biếu, phùng và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc O về việc “tranh chấp hụi, tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quý P.

Buộc bà T, ông P phải liên đới trả cho bà O số tiền vốn hụi và vốn vay là 113.700.000 đồng (một trăm mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà O được nhận lại 2.840.000 đồng (hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007978 ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Long An.

Bà T, ông P phải liên đới chịu 5.685.000 đồng (năm triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật,

Ngày 11/10/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý P kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Bị đơn bà Võ Thụy Kim T trình bày: Bà còn nợ bà Lê Ngọc O 113.700.000 đồng. Cá nhân bà T chơi hụi và vay tiền, việc làm thảo hụi được diễn ra tại nhà của vợ chồng bà. Ông P là chồng của bà có nhận tiền hụi của bà O thay bà nhưng ông P không sử dụng khoản tiền này nên đề nghị không buộc ông P liên đới trả nợ. Bà hứa khi nào bán được nhà thì sẽ trả toàn bộ nợ.

Bà Lê Ngọc O trình bày: Ông P biết bà T làm thảo hụi, việc khu hụi diễn ra tại nhà của bà T, ông P, khi bà T vắng nhà thì ông P là người nhận tiền hụi nên không đồng ý với kháng cáo của ông P.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Bà T và bà O thống nhất bà T còn nợ bà O 113.700.000 đồng tiền nợ hụi và tiền vay. Bà T, ông P là vợ chồng, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, việc chơi hụi diễn ra tại nhà ông P, bà T thời gian dài, ông P có thu tiền hụi của hụi viên và ông P thu tiền do người khác nộp thay cho bà O, bà T vay tiền để choàng hụi nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T và ông P cùng liên đới trả nợ là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng tại cấp phúc thẩm: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý P được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Ngọc O, bị đơn bà Võ Thụy Kim T có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý P do ông Bùi Duy T1, ông Lê Văn Phiến là người đại diện theo ủy quyền của ông P vắng mặt có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm:

Bà Lê Ngọc O và bà Võ Thụy Kim T trình bày thống nhất bà T có nợ bà O 113.700.000 đồng tiền vốn hụi và vốn vay. Bà O yêu cầu vợ chồng bà T và ông P có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Trần Quý P kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ. Các đương sự còn lại không kháng cáo. Viện kiểm sát không kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới. Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử trong phạm vi yêu cầu kháng cáo của

đương sự.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Quý P về trách nhiệm liên đới trả nợ, thấy rằng:

Bà Lê Ngọc O có tham gia hội do bà Võ Thụy Kim T làm thảo. Trong thời gian làm thảo hội bà T có mượn bà O tiền để choàng hội, hiện còn nợ tổng cộng là 113.700.000 đồng tiền vốn hội và vốn vay. Việc các bên tham gia chơi hội trong thời gian dài tại nhà của ông P, bà T, được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông P đang tồn tại. Ông P có thu tiền hội thông qua hội viên đóng hội cho bà T và cũng đã biết việc bà O, bà T có tham gia chơi hội với nhau. Nay ông P, bà T cho rằng ông P không sử dụng tiền hội để không liên đới trả nợ là không phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông P có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà O là đúng quy định của pháp luật. Ông P kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ làm thay đổi nội dung vụ án nên không được chấp nhận. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Quý P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Các khoản khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý P.

Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 96/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, 463, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 hướng dẫn về hội, họ, biểu, phường và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc O về việc “tranh chấp hội, tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quý P.

Buộc bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quý P phải liên đới trả cho bà Lê Ngọc O số tiền vốn hội và vốn vay là 113.700.000 đồng (một trăm mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Ngọc O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà O được nhận lại 2.840.000 đồng (hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007978 ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Long An.

Bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quý P phải liên đới chịu 5.685.000 đồng (năm triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Trần Quý P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm; khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008096 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Long An.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp.HCM
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu T;
- Chi cục THADS huyện Châu T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Hồng Vân**

**Các Thẩm Phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Thị Hồng Vân**